

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/DS-ST
Ngày: 30/9/2025
*“V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐẮK LẮK
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Dự

Các hội thẩm nhân dân: - Bà Bùi Thị Hà

- Ông Bùi Trọng Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Đổng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/TLST-DS ngày 03/3/2025, về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-DS ngày 28/8/2025, quyết định hoãn phiên tòa số 34/2025/QĐXXST-DS ngày 11/9/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trần Trung H (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Lầu A, số B -B N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Bà Lê Thị Hồng K (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã E, tỉnh Đắk Lắk

(Địa chỉ cũ: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 27/5/2021, Bà Khanh ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng TMCP S) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề

ngiht cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 50,000,000 với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Loại thẻ: Visa, số thẻ: 472074 - 5927 ngày ký hợp đồng: 11/06/2021 hạn mức: 50,000,000 lãi suất áp dụng: 2.48%

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bà Khanh thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 191,961,016 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà Khanh phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà Khanh đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền ###183,872,217 (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bà Khanh vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Bà Khanh phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 10/12/2023 hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24.4 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 28.012.604 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do Bà ERGEFIELD "TEN" Khanhvi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu Bà Khanh trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 30/9/2025 là 72.254.064 đồng. Cụ thể là: nợ gốc: 23.012.604 đồng, lãi quá hạn: 49.241.460 đồng, lãi suất áp dụng: 3.72% (2.48% x 150%)

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với INH" Bà N" Khanh yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy

nhiên BàKhanhvẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn I_TINH" BàHO_VA_TEN Lê Thị Hồng K

Buộc BàLê Thị Hồng Khanh trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/09/2025 là 72.254.064 đồng trong đó:

- Nợ gốc: 23.012.604 đồng
- Lãi quá hạn: 49.241.460 đồng

Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị Hồng K đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng tuy nhiên bà K không tham gia tố tụng tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk phát biểu như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S buộc bà Lê Thị Hồng K phải trả cho ngân hàng số tiền 72.254.064 đồng (trong đó: nợ gốc 23.012.604 đồng, nợ lãi: 49.241.460 đồng) và tiếp tục trả lãi suất từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả hết nợ. Về án phí, đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn có nơi cư trú tại xã E, tỉnh Đắk Lắk (*địa chỉ cũ: xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk*). Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Lê Thị Hồng K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng

mặt các đương sự là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 27/5/2021, Ngân hàng TMCP S cùng bà Lê Thị Hồng K ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, theo Hợp đồng các bên thỏa thuận: Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng thẻ cho bà K hạn mức là 50.000.000 đồng, mức lãi suất là 2,48%.

Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa bà K và Ngân hàng là giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, Hợp đồng này có hiệu lực pháp luật sau khi các bên ký kết với nhau.

Đến thời hạn trả các khoản nợ cho Ngân hàng, mặc dù đã được Ngân hàng yêu cầu trả nhiều lần nhưng bà K vẫn không thanh toán các khoản nợ, sau khi ngân hàng khởi kiện tại Tòa án thì bà K đã thanh toán cho ngân hàng nhiều lần, đến ngày 30/9/2025 bà K còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 23.012.604 đồng và nợ lãi phát sinh là 49.241.460 đồng. Như vậy, bà K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ của người vay được quy định tại các Điều 18, 19, 23 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng TMCP S.

Do đó, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S khởi kiện là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Lê Thị Hồng K phải trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 23.012.604 đồng và nợ lãi phát sinh tính đến ngày 30/9/2025 là 49.241.460 đồng. Bà Lê Thị Hồng K tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 01/10/2025 theo mức lãi suất mà hai bên đã ký kết với nhau trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định pháp luật, cụ thể: $72.254.064 \text{ đồng} \times 5\% = 3.612.703 \text{ đồng}$. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 357; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S

Buộc bà Lê Thị Hồng K phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền 72.254.064 đồng (cụ thể: nợ gốc là 23.012.604 đồng và nợ lãi phát sinh tính đến ngày 30/9/2025 là 49.241.460 đồng đồng). Bà Lê Thị Hồng K tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 01/10/2025 theo mức lãi suất mà hai bên đã ký kết với nhau trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

[2] Về án phí:

- Bà Lê Thị Hồng K phải chịu 3.612.703 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 1.872.498 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0018343 ngày 08/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án khu vực 6 – thành phố Hồ Chí Minh).

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 3 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 3 – Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VPCQ;

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Văn Dự

